

Số: **197**/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **17** tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, bị huỷ bỏ, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quy chế phối hợp trong việc công bố, niêm yết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phân cấp cấp Giấy phép kinh doanh ka-ra-ô-kê trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (tại Tờ trình số 06/TTr-SVHTTDL ngày 16/02/2017 và Giám đốc Sở Tư pháp (tại Tờ trình số 12/STP-KSTT ngày 14/02/2017),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính ban hành mới, bị huỷ bỏ, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐVP(4), VX, NC, TH;
- Lưu: VT, NC(H).



Bùi Quang Cẩm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH TỈNH HÀ NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~197~~ /QĐ-UBND ngày ~~17~~ /02/2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực văn hoá thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thành phố tỉnh Hà Nam

STT	Tên thủ tục hành chính
1	Cấp giấy phép kinh doanh Karaoke

2. Danh mục thủ tục hành chính bị huỷ bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Nam

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, huỷ bỏ TTHC
1	Cấp giấy phép kinh doanh Karaoke	Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phân cấp cấp Giấy phép kinh doanh ka-ra-ô-kê trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC VĂN HOÁ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ TỈNH HÀ NAM**

1. Cấp giấy phép kinh doanh Karaoke

*** Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về phòng chuyên môn.

- Bước 3: Phòng chuyên môn nghiên cứu giải quyết hồ sơ trình Chủ tịch UBND huyện, thành phố.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến UBND huyện, thành phố.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke trong đó ghi rõ địa điểm kinh doanh, số phòng, diện tích từng phòng (Mẫu 3-Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL).

+ Bản sao công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

* **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

* **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

* **Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Văn hóa và Thông tin huyện, thành phố.

* **Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép.

* **Lệ phí:**

Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

- Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke:

+ Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy;

+ Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 12.000.000 đồng/giấy.

Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng.

Tại khu vực khác (trừ các khu vực đã nêu trên):

- Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke:

+ Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 3.000.000 đồng/giấy;

+ Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy.

Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng.

* **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu 03-Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Phòng Karaoke phải có diện tích sử dụng từ 20m² trở lên, không kể công trình phụ, đảm bảo điều kiện về cách âm, phòng, chống cháy nổ;

- Cửa phòng karaoke phải là cửa kính không màu, bên ngoài nhìn thấy toàn bộ phòng;

- Không đặt khoá, chốt cửa bên trong hoặc đặt thiết bị báo động để đối phó với hoạt động kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Địa điểm hoạt động karaoke phải cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hoá, cơ quan hành chính nhà nước từ 200m trở lên;

- Phù hợp với quy hoạch về karaoke được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 6/11/2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng;

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2009 Quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ;

- Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

- Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT;

- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ tài chính Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh Karaoke, Vũ trường.

- Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phân cấp cấp Giấy phép kinh doanh ka-ra-ô-kê trên địa bàn tỉnh Hà Nam

Mẫu 3

**TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH KARAOKE**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh

(viết bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....
nơi cấp.....

2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép

- Địa chỉ kinh doanh:

- Tên nhà hàng karaoke (nếu có):

- Số lượng phòng karaoke:

- Diện tích cụ thể từng phòng:

3. Cam kết

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 103/2009/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan khi hoạt động kinh doanh;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin giấy phép kinh doanh./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/
CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)
Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)